

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

طَسَمَ ١ تِلْكَ آيَاتُ الْكِتَابِ الْمُبِينِ ٢ لَعَلَّكَ بَخْعٌ نَفْسِكَ أَلَّا
يَكُونُوا مُؤْمِنِينَ ٣ إِنْ نَشَأْ نُزِّلْ عَلَيْهِمْ مِنَ السَّمَاءِ آيَةٌ فَظَلَّتْ
أَعْنَاقُهُمْ لَهَا خَاضِعِينَ ٤ وَمَا يَأْتِيهِمْ مِنْ ذِكْرٍ مِنَ الرَّحْمَنِ مُحَدَّثٍ
إِلَّا كَانُوا عَنْهُ مُعْرِضِينَ ٥ فَقَدْ كَذَّبُوا فَسَيَأْتِيهِمْ أَنْبَاءٌ مَا كَانُوا
بِهِ يَسْتَهْزِءُونَ ٦ أَوْ لَمْ يَرَوْا إِلَى الْأَرْضِ كَمَا أَنْبَأْنَا فِيهَا مِنْ كُلِّ زَوْجٍ
كَرِيمٍ ٧ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُمْ مُؤْمِنِينَ ٨ وَإِنَّ
رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ٩ وَإِذْ نَادَى رَبُّكَ مُوسَى أَنْ أَنْتِ الْقَوْمَ
الظَّالِمِينَ ١٠ قَوْمَ فِرْعَوْنَ أَلا يَتَّقُونَ ١١ قَالَ رَبِّ إِنِّي أَخَافُ
أَنْ يُكَذِّبُونِ ١٢ وَيَضِيقُ صَدْرِي وَلَا يَنْطَلِقُ لِسَانِي فَأَرْسِلْ
إِلَى هَارُونَ ١٣ وَلَهُمْ عَلَى ذَنْبٍ فَأَخَافُ أَنْ يَقْتُلُونِ ١٤ قَالَ
كَلَّا فَأَذْهَبِ أَيْتَانَا إِنَّا مَعَكُمْ مُسْتَمِعُونَ ١٥ فَآتَا فِرْعَوْنَ
فَقُولًا إِنَّا رَسُولُ رَبِّ الْعَالَمِينَ ١٦ أَنْ أَرْسِلْ مَعَنَا بَنِي إِسْرَائِيلَ
١٧ قَالَ أَلَمْ نُرَبِّكَ فِيْنَا وَلِيدًا وَلَبِثْتَ فِيْنَا مِنْ عُمُرِكَ سِنِينَ
١٨ وَفَعَلْتَ فَعَلْتَكَ الَّتِي فَعَلْتَ وَأَنْتَ مِنَ الْكَافِرِينَ ١٩

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- *Tā. Sīn. Mīm.*
- 2.- Đây là những Câu của một Kinh sách minh bạch.
- 3.- Có lẽ Người tự huỷ mình vì buồn rầu về việc chúng không tin tưởng.
- 4.- Nếu muốn, *TA* có thể gởi từ trên trời xuống một phép-lạ mà chúng sẽ cúi cổ xuống thần phục.
- 5.- Và không một điều nhắc nhở mới nào của Đấng Rất mực Độ lượng được ban xuống cho chúng mà chúng lại không quay mặt lánh xa.
- 6.- Bởi thế, chắc chắn chúng đã phủ nhận Chân lý; rồi đây chúng sẽ nhận tin tức về những điều mà chúng đã từng chế giễu.
- 7.- Và há chúng đã không quan sát trái đất, nơi mà *TA* đã làm mọc ra bao nhiêu cặp thảo mộc quý hóa hay sao?
- 8.- Trong đó là một Dấu hiệu; nhưng đa số bọn chúng không tin.
- 9.- Và *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 10.- Và (hãy nhớ) khi *Rabb* của Người gọi Mūsa (phán bảo): “Nhà người hãy đi gặp một đám người làm điều sai quấy,
- 11.- “Đám người của *Fir'aun* há chúng không sợ Allah hay sao?”
- 12.- (Mūsa) thưa: “Lạy *Rabb*! Bề tôi sợ chúng sẽ cho bề tôi nói dối.
- 13.- “Và lồng ngực của bề tôi chật hẹp và chiếc lưỡi của bề tôi cử động không nhanh chóng. Xin Ngài cho gọi Hārūn đến (giúp bề tôi);
- 14.- “Và chúng buộc tội bề tôi đã phạm một trọng tội; do đó bề tôi sợ chúng sẽ giết bề tôi.”
- 15.- (Allah) phán: “Không sao cả! Hai người cứ lên đường với những Phép lạ của *TA*. *TA* sẽ ở cùng với các người, lắng nghe;
- 16.- “Bởi thế, hai người cứ đi gặp *Fir'aun* bảo (y): ‘Chúng tôi là Sứ giả của *Rabb* của ‘*ālamīn*.
- 17.- “Xin ngài cho phép con cháu của Israel ra đi với chúng tôi.”
- 18.- (*Fir'aun*) bảo (Mūsa): “Há bọn ta đã không thương yêu và nuôi nấng người như con cái trong (nhà của) bọn ta và người đã ở với bọn ta nhiều năm trong đời người hay sao?”
- 19.- “Thế mà nhà người đã nhấn tâm làm một việc (sát nhân) mà người đã làm. Và nhà người là một tên phụ ơn.”

قَالَ فَعَلَّتْهَا إِذَا وَأَنَا مِنَ الضَّالِّينَ ﴿٢٠﴾ فَفَرَرْتُ مِنْكُمْ لَمَّا خِفْتُكُمْ
 فَوَهَبَ لِي رَبِّي حُكْمًا وَجَعَلَنِي مِنَ الْمُرْسَلِينَ ﴿٢١﴾ وَتِلْكَ نِعْمَةٌ
 تَمُنُّهَا عَلَيَّ أَنْ عَبَّدتَّ بَنِي إِسْرَائِيلَ ﴿٢٢﴾ قَالَ فِرْعَوْنُ وَمَا رَبُّ الْعَالَمِينَ
 ﴿٢٣﴾ قَالَ رَبُّ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا إِنْ كُنْتُمْ مُوقِنِينَ
 ﴿٢٤﴾ قَالَ لِمَنْ حَوْلَهُ أَلَا تَسْتَمِعُونَ ﴿٢٥﴾ قَالَ رَبُّكُمْ وَرَبُّ آبَائِكُمُ
 الْأَوَّلِينَ ﴿٢٦﴾ قَالَ إِنَّ رَسُولَكُمْ الَّذِي أُرْسِلَ إِلَيْكُمْ لَمَجْنُونٌ
 ﴿٢٧﴾ قَالَ رَبُّ الْمَشْرِقِ وَالْمَغْرِبِ وَمَا بَيْنَهُمَا إِنْ كُنْتُمْ تَعْقِلُونَ
 ﴿٢٨﴾ قَالَ لَئِن أُتِّخِذتِ الْهَآغِرَى لَأَجْعَلَنَّكَ مِنَ الْمَسْجُونِينَ
 ﴿٢٩﴾ قَالَ أَوْ لَوْ جِئْتُكَ بِشَيْءٍ مُّبِينٍ ﴿٣٠﴾ قَالَ فَأْتِ بِهِ إِنْ كُنْتَ
 مِنَ الصَّادِقِينَ ﴿٣١﴾ فَأَلْقَى عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ ثُعْبَانٌ مُّبِينٌ ﴿٣٢﴾
 وَنَزَعَ يَدَهُ فَإِذَا هِيَ بَيْضَاءُ لِلنَّظِيرِينَ ﴿٣٣﴾ قَالَ لِلْمَلَاحِحُولَةِ
 إِنَّ هَذَا السَّحِرُ عَلِيمٌ ﴿٣٤﴾ يُرِيدُ أَنْ يُخْرِجَكُمْ مِنْ أَرْضِكُمْ
 بِسِحْرِهِ فَمَاذَا تَأْمُرُونَ ﴿٣٥﴾ قَالُوا أَرْجِهْ وَأَخَاهُ وَأَنْعَثْ فِي الْمَدَائِنِ
 حَاشِرِينَ ﴿٣٦﴾ يَا تُوَكُّ بِكُلِّ سَحَابٍ عَلِيمٍ ﴿٣٧﴾ فَجُمِعَ السَّحَرَةُ
 لِمِيقَاتِ يَوْمٍ مَّعْلُومٍ ﴿٣٨﴾ وَقِيلَ لِلنَّاسِ هَلْ أَنْتُمْ مُجْتَمِعُونَ ﴿٣٩﴾

- 20.- (Mūsa) đáp: “Tôi làm điều đó vào lúc tôi nhầm lẫn.
- 21.- “Và vì sợ quí ngài nên tôi đã phải bỏ trốn đi xa và *Rabb* của tôi đã ban cho tôi lý giải khôn ngoan và cử tôi làm một Sứ giả của Ngài.
- 22.- “Đấy là ân xưa mà ngài đã nài ra để khiến trách tôi; và ngài đã bắt con cháu của Israel làm nô-lệ.”
- 23.- Fir'aun lên tiếng: “Và *Rabb* của 'Ālamīn là gì vậy?”
- 24.- Mūsa đáp: “*Rabb* của các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất, nếu quí ngài muốn có một niềm tin vững chắc (về Ngài).”
- 25.- (Fir'aun) nói với cận thân: “Há các khanh không nghe rõ?”
- 26.- (Mūsa) tiếp: “*Rabb* của quí ngài và của tổ tiên của quí ngài.”
- 27.- (Fir'aun) bảo: “Quả thật, Sứ giả của các người là một thằng điên!”
- 28.- (Mūsa) tiếp: “*Rabb* của phương đông và phương tây và vạn vật nằm giữa hai phương đó, nếu quí vị thông hiểu được.”
- 29.- (Fir'aun) bảo: “Nếu nhà người quả quyết tôn thờ một Thượng Đế khác thay vì ta, thì chắc chắn ta sẽ bỏ tù nhà người.”
- 30.- (Mūsa) đáp: “Sao! Dẫn cho tôi có trưng bày cho ngài thấy một điều minh bạch.”
- 31.- (Fir'aun) bảo: “Thế hãy đưa nó (phép lạ) ra xem nếu nhà người là một người nói thật.”
- 32.- Bởi thế, Mūsa ném chiếc gậy của Người xuống, thì nó biến thành một con rắn (thần) rõ rệt.
- 33.- Và khi đưa bàn tay của Người ra, nó hiện ra trắng toát trước mặt những người đứng nhìn.
- 34.- Fir'aun quay bảo các cận thân: “Tên này quả thật là một tên phù thủy tài giỏi;
- 35.- “Y định dùng pháp thuật để đánh đuổi các khanh ra khỏi lãnh thổ của các khanh. Thế các khanh định làm gì y?”
- 36.- (Chư thần) thưa: “Hãy tạm tha y và người anh của y (trong một thời gian) và cử những người loan tin đi khắp các thị trấn;
- 37.- “Nhờ triệu về cho ngài tất cả những nhà phù thủy tài giỏi.”
- 38.- Do đó, những nhà phù thủy được triệu tập tại một nơi hẹn vào một ngày đã được công bố rõ.
- 39.- Và có lời bảo người dân: “Há quí vị không đi dự đại hội hay sao?”

لَعَلَّنَا نَتَّبِعُ السَّحَرَةَ إِنْ كَانُوا هُمْ الْغَالِبِينَ ﴿٤٠﴾ فَلَمَّا جَاءَ السَّحَرَةُ
قَالُوا لِفِرْعَوْنَ أَيْنَ لَنَا أَجْرًا إِنْ كُنَّا نَحْنُ الْغَالِبِينَ ﴿٤١﴾ قَالَ نَعَمْ
وَإِن كُنتُمْ إِذًا لَمِنَ الْمُقَرَّبِينَ ﴿٤٢﴾ قَالَ لَهُم مُوسَى الْقَوْمَا مَا أَنْتُمْ مُلْقُونَ
﴿٤٣﴾ فَأَلْقَوْا حِجَابَهُمْ وَعَصِيَّهُمْ وَقَالُوا بِعِزَّةِ فِرْعَوْنَ إِنَّا لَنَحْنُ
الْغَالِبُونَ ﴿٤٤﴾ فَأَلْقَى مُوسَى عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ تَلْقَفُ مَا يَأْفِكُونَ
﴿٤٥﴾ فَأَلْقَى السَّحَرَةُ سَجِيدِينَ ﴿٤٦﴾ قَالُوا آمَنَّا بِرَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿٤٧﴾
رَبِّ مُوسَى وَهَارُونَ ﴿٤٨﴾ قَالَ آمَنْتُمْ لَهُ وَقَبْلَ أَنْ أَدْنَا لَكُمْ إِنَّهُ
لَكَبِيرُكُمُ الَّذِي عَلَّمَكُمُ السِّحْرَ فَلَسَوْفَ تَعْلَمُونَ لَا يَقْطَعَنَّ أَيْدِيكُمْ
وَأَرْجُلَكُمْ مِّنْ خَلْفٍ وَلَا يُصَلِّبَنَّكُمْ أَجْمَعِينَ ﴿٤٩﴾ قَالُوا لَا ضَيْرَ إِنَّا
إِلَىٰ رَبِّنَا مُنْقَلِبُونَ ﴿٥٠﴾ إِنَّا نَنظُمُ أَنْ يَغْفِرَ لَنَا رَبُّنَا خَطِيئَتَنَا أَنْ كُنَّا
أَوَّلَ الْمُؤْمِنِينَ ﴿٥١﴾ * وَأَوْحَيْنَا إِلَىٰ مُوسَىٰ أَنْ أَسْرِ بِعِبَادِيٰ إِلَيْكُمْ
مُتَّبِعُونَ ﴿٥٢﴾ فَأَرْسَلْنَا فِرْعَوْنَ فِي الْمَدَائِنِ حَاشِرِينَ ﴿٥٣﴾ إِنَّ هَؤُلَاءِ
لَشُرُذِمَةٌ قَلِيلُونَ ﴿٥٤﴾ وَإِنَّهُمْ لَنَا لَغَائِظُونَ ﴿٥٥﴾ وَإِنَّا لَجَمِيعٌ حَادِرُونَ
﴿٥٦﴾ فَأَخْرَجْنَاهُمْ مِّنْ جَنَّتِ وَعَيُونِ ﴿٥٧﴾ وَكُنُوزِ وَمَقَامِ كَرِيمِ ﴿٥٨﴾
كَذَلِكَ وَأَوْرَثْنَاهَا بَنِي إِسْرَائِيلَ ﴿٥٩﴾ فَاتَّبَعُوهُمْ مُّشْرِقِينَ ﴿٦٠﴾



- 40.- “Có lẽ chúng tôi sẽ theo các nhà phù thủy nếu họ thắng cuộc.”
- 41.- Bởi thế, khi đến nơi, những nhà phù thủy thưa với Fir'aun: “Chúng tôi sẽ được ân thưởng chăng nếu chúng tôi thắng cuộc?”
- 42.- (Fir'aun) đáp: “Vâng, có chứ! Chắc chắn lúc đó các người sẽ là cận thần của ta.”
- 43.- Mūsa bảo họ: “Hãy ném bảo vật của quý vị xuống.”
- 44.- Do đó, họ ném những sợi dây và chiếc gậy của họ xuống và nói: “Nhờ quyền lực của *Fir'aun*, chắc chắn chúng tôi sẽ thắng cuộc.”
- 45.- Nhưng khi Mūsa ném chiếc gậy của Người xuống, tức thời nó nuốt mất những món vật giả mà họ đã làm giả.
- 46.- Bởi thế, những tên phù thủy (khiếp sợ) sụp xuống quì lạy.
- 47.- Và lên tiếng: “Chúng tôi tin tưởng nơi *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.
- 48.- “*Rabb* của Mūsa và của Hārūn.”
- 49.- (Fir'aun) bảo: “Các người cả tin nơi Ngài trước khi ta cho phép các người hay sao? Y quả là tên đầu nậu của các người; Y đã dạy các người pháp thuật; rồi đây các người sẽ sớm biết hậu quả. Chắc chắn, ta sẽ cho chặt tay và chân của các người mỗi bên một cánh và sẽ cho đóng đinh các người trên thập tự giá, tất cả, không sót một tên nào.”
- 50.- Họ đồng thanh đáp: “Chẳng có gì thiệt cả. (Bởi vì) chúng tôi sẽ trở về gặp *Rabb* của chúng tôi trở lại.
- 51.- “Chúng tôi mong *Rabb* chúng tôi sẽ tha thứ cho chúng tôi những lỗi lầm của chúng tôi bởi vì chúng tôi là những người tin tưởng đầu tiên.”
- 52.- Và TA đã mặc khải cho Mūsa phán: “Nhà người hãy dẫn bầy tôi của TA ra đi ban đêm. Thật sự, các người sẽ bị truy nã.”
- 53.- Bởi thế, Fir'aun phái những người loan tin đi khắp các thị trấn;
- 54.- “Quả thật, những người (Israel) này chỉ là một nhóm nhỏ;
- 55.- “Quả thật, chúng đã phạm tội khi quân chọc giận bọn ta.
- 56.- “Nhưng tất cả bọn ta đã cảnh giác trước”;
- 57.- Bởi thế, TA đã đưa bọn chúng ra khỏi hoa viên và suối nước,
- 58.- Và rời khỏi những kho tàng châu báu và địa vị cao sang.
- 59.- Đúng như thế. Và TA đã cho con cháu của Israel thừa kế chúng.
- 60.- Rồi chúng đuổi theo bắt họ vào lúc hừng đông.

فَلَمَّا تَرَأَى الْجُمُعَانَ قَالَ أَصْحَابُ مُوسَى إِنَّا لَمَدْرَكُونَ ﴿٦١﴾
 قَالَ كَلَّا إِنَّ مَعِيَ رَبِّي سَيَهْدِينِ ﴿٦٢﴾ فَأَوْحَيْنَا إِلَى مُوسَى أَنْ
 أَضْرِبْ بِعَصَاكَ الْبَحْرَ فَانْفَلَقَ فَكَانَ كُلُّ فِرْقٍ كَالطَّوْدِ الْعَظِيمِ
 ﴿٦٣﴾ وَأَزْلَفْنَا ثَمَّ الْأَخْرِينَ ﴿٦٤﴾ وَأَنْجَيْنَا مُوسَى وَمَنْ مَعَهُ وَأَجْمَعِينَ
 ﴿٦٥﴾ ثُمَّ أَغْرَقْنَا الْأَخْرِينَ ﴿٦٦﴾ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ
 أَكْثَرُهُمْ مُؤْمِنِينَ ﴿٦٧﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿٦٨﴾
 وَأَتْلُ عَلَيْهِمْ نَبَأَ إِبْرَاهِيمَ ﴿٦٩﴾ إِذْ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوْمِهِ مَا تَعْبُدُونَ
 ﴿٧٠﴾ قَالُوا نَعْبُدُ أَصْنَامًا فَنَنْظِلُ لَهَا عَافِيَةً ﴿٧١﴾ قَالَ هَلْ
 يَسْمَعُونَكُمْ إِذْ تَدْعُونَ ﴿٧٢﴾ أَوْ يَنْفَعُونَكُمْ أَوْ يَضُرُّونَ ﴿٧٣﴾ قَالُوا
 بَلْ وَجَدْنَا آبَاءَنَا كَذَلِكَ يَفْعَلُونَ ﴿٧٤﴾ قَالَ أَفَرَأَيْتُمْ مَا كُنْتُمْ
 تَعْبُدُونَ ﴿٧٥﴾ أَنْتُمْ وَاَبَاؤُكُمْ الْأَقْدَمُونَ ﴿٧٦﴾ فَإِنَّهُمْ عَدُوٌّ لِي
 إِلَّا رَبَّ الْعَالَمِينَ ﴿٧٧﴾ الَّذِي خَلَقَنِي فَهُوَ يَهْدِينِ ﴿٧٨﴾ وَالَّذِي هُوَ
 يُطْعِمُنِي وَيَسْقِينِ ﴿٧٩﴾ وَإِذَا مَرِضْتُ فَهُوَ يَشْفِينِ ﴿٨٠﴾ وَالَّذِي
 يُمِيتُنِي ثُمَّ يُحْيِينِ ﴿٨١﴾ وَالَّذِي أَطْمَعُ أَنْ يَغْفِرَ لِي خَطِيئَتِي
 يَوْمَ الدِّينِ ﴿٨٢﴾ رَبِّ هَبْ لِي حُكْمًا وَأَلْحِقْنِي بِالصَّالِحِينَ ﴿٨٣﴾

- 61.- Bởi thế, khi hai đoàn người đối diện nhau, các tông đồ của Mūsa nói: “Chắc chắn chúng ta sắp bị bắt đến nơi.”
- 62.- (Mūsa) bảo: “Không hề gì! *Rabb* của ta ở với ta, và sẽ hướng dẫn ta.”
- 63.- Liên đó, TA đã mặc khải cho Mūsa, phán: “Hãy dùng chiếc gậy của người mà đánh xuống mặt biển!” Tức thời, biển rẽ ra làm hai, biến thành bức thành đứng sừng sững như một quả núi vĩ đại.
- 64.- Và TA đưa đám (người truy nã) kia đến gần nơi đó;
- 65.- Và TA đã cứu nguy Mūsa và những ai theo Người, tất cả.
- 66.- Rồi TA đã nhận đám kia chết chìm.
- 67.- Quả thật, trong biển cố đó là một bài học; nhưng đa số bọn chúng không là những người tin tưởng.
- 68.- Và quả thật *Rabb* (Allah) của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 69.- Và hãy đọc cho chúng (người Quraish) câu chuyện của Ibrāhīm;
- 70.- Khi Người thưa với phụ thân và người dân của Người: “Vật gì quý vị đang thờ phụng vậy?”
- 71.- Họ đáp: “Bọn ta đang thờ các tượng thần và rất đối sùng kính họ.”
- 72.- (Ibrāhīm) bảo: “Chúng có nghe được quý vị chẳng khi gọi chúng?”
- 73.- “Hoặc chúng có giúp ích hay hãm hại được quý vị chẳng?”
- 74.- Họ đáp: “Không, nhưng bọn ta thấy cha mẹ của bọn ta đã làm thế.”
- 75.- (Ibrāhīm) bảo: “Thế quý vị có quan sát đồ vật mà quý vị đang tôn thờ chẳng?”
- 76.- “Quý vị lẫn tổ tiên xa xưa của quý vị?”
- 77.- “Nhưng, chúng là kẻ thù của tôi ngoại trừ *Rabb* của ‘*ālamīn*;
- 78.- “Đấng đã tạo ra tôi, rồi hướng dẫn tôi;
- 79.- “Và là Đấng đã cho tôi ăn và uống;
- 80.- “Và là Đấng đã chữa lành tôi khi tôi mắc bệnh;
- 81.- “Và là Đấng sẽ gậy cho tôi chết rồi phục sinh tôi trở lại;
- 82.- “Và là Đấng mà tôi hy vọng sẽ tha thứ cho tôi về những lỗi lầm của tôi vào Ngày Xét xử.
- 83.- “Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi lẽ thông thái khôn ngoan và dung nạp bề tôi chung với những người đức hạnh.

وَأَجْعَل لِي لِسَانَ صِدْقٍ فِي الْآخِرِينَ ﴿٨٤﴾ وَأَجْعَلْنِي مِنْ وَرَثَةِ جَنَّةِ
 النَّعِيمِ ﴿٨٥﴾ وَأَغْفِرْ لِأَبِي إِنَّهُ كَانَ مِنَ الضَّالِّينَ ﴿٨٦﴾ وَلَا تُخْزِنِي يَوْمَ
 يُبْعَثُونَ ﴿٨٧﴾ يَوْمَ لَا يَنْفَعُ مَالٌ وَلَا بَنُونَ ﴿٨٨﴾ إِلَّا مَنْ أَتَى اللَّهَ بِقَلْبٍ
 سَلِيمٍ ﴿٨٩﴾ وَأُزْلِفَتِ الْجَنَّةُ لِلْمُتَّقِينَ ﴿٩٠﴾ وَبُرِّزَتِ الْجَحِيمُ لِلْغَاوِينَ
 ﴿٩١﴾ وَقِيلَ لَهُمْ آيَنَ مَا كُنْتُمْ تَعْبُدُونَ ﴿٩٢﴾ مِنْ دُونِ اللَّهِ هَلْ يَنْصُرُونَكُمْ
 أَوْ يَنْصُرُونَ ﴿٩٣﴾ فَكُفُّوا فِيهَا هُمْ وَالْغَاوُونَ ﴿٩٤﴾ وَجُنُودِ إبْلِيسَ
 أَجْمَعُونَ ﴿٩٥﴾ قَالُوا وَهُمْ فِيهَا يَخْتَصِمُونَ ﴿٩٦﴾ تَأَلَّهَ إِنْ كُنَّا فِي
 ضَلَالٍ مُبِينٍ ﴿٩٧﴾ إِذْ نُسَوِّكُمْ بِرَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿٩٨﴾ وَمَا أَضَلَّنَا إِلَّا
 الْمُجْرِمُونَ ﴿٩٩﴾ فَمَا لَنَا مِنْ شَافِعِينَ ﴿١٠٠﴾ وَلَا صِدْقٍ حَمِيمٍ ﴿١٠١﴾ فَلَوْ
 أَنَّ لَنَا كَرَّةً فَنَكُونُ مِنَ الْمُؤْمِنِينَ ﴿١٠٢﴾ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ
 أَكْثَرُهُمْ مُؤْمِنِينَ ﴿١٠٣﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿١٠٤﴾ كَذَّبَتْ
 قَوْمُ نُوحٍ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٠٥﴾ إِذْ قَالَ لَهُمْ أَخُوهُمْ نُوحٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٠٦﴾
 إِنِّي لَكُمْ رَسُولٌ أَمِينٌ ﴿١٠٧﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا أَمْرًا ﴿١٠٨﴾ وَمَا أَسْأَلُكُمْ
 عَلَيْهِ مِنْ أَجْرٍ إِنْ أَجْرِيَ إِلَّا عَلَى رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٠٩﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ
 وَأَطِيعُوا أَمْرًا ﴿١١٠﴾ * قَالُوا أَنْتُمْ مِنْ لَدُنْكَ وَأَتَّبَعَكَ الْأَرْذَالُونَ ﴿١١١﴾

- 84.- “Và vinh danh bề tôi nơi những thế hệ tương lai;
- 85.- “Và biến bề tôi thành một người thừa kế Thiên đàng Hạnh phúc;
- 86.- “Và tha thứ cho phụ thân của bề tôi bởi vì người là một người lầm lạc;
- 87.- “Và chớ hạ nhục bề tôi vào Ngày mà nhân loại sẽ được phục sinh;
- 88.- “Ngày mà của cải cũng như con cái sẽ không giúp ích được ai,
- 89.- Ngoại trừ ai mang đến cho Allah một tấm lòng trong sạch.
- 90.- Và Thiên đàng sẽ được mang đến gần những người sợ Allah.
- 91.- Và Hỏa ngục sẽ được mang đến trước mặt những kẻ lạc lối.
- 92.- Và có lời bảo chúng: “Đâu là những vật mà các người đã tôn thờ,
- 93.- “Khác Allah? Há chúng có thể giải cứu các người hoặc tự cứu?”
- 94.- Bởi thế, chúng sẽ bị lừa vào Hỏa ngục, chúng và đám quỷ quái.
- 95.- Và cả binh tướng của Iblīs nữa, tất cả.
- 96.- Và trong lúc cãi vã nhau trong đó, chúng sẽ nói:
- 97.- “Thề với Allah, chúng tôi là những kẻ đã công khai lầm lạc,
- 98.- “Khi chúng tôi suy tôn quý vị ngang vai với *Rabb* của ‘*alamin*;
- 99.- “Và chỉ những tên kẻ tội lỗi đã dắt chúng tôi đi lạc.
- 100.- “Bởi thế, chúng tôi không có ai can thiệp;
- 101.- “Cũng không có một người bạn chân tình nào (để giúp đỡ);
- 102.- “Giá có dịp trở lại (trần gian), thì chúng tôi sẽ tin tưởng.”
- 103.- Trong đó là một Dấu hiệu, nhưng đa số bọn chúng không tin.
- 104.- Và *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 105.- Người dân của *Nūh* đã cho những Sứ giả (của Allah) nói dối,
- 106.- Khi người anh em *Nūh* của họ bảo: “Các người không sợ Allah ư?
- 107.- “Quả thật, Ta là một Sứ giả đáng tin cậy đến với các người.
- 108.- “Bởi thế, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.
- 109.- “Và Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó. Chỉ *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.
- 110.- “Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.”
- 111.- Họ đáp: “Bọn ta phải tin tưởng người hay sao trong lúc chỉ có những kẻ bần cùng tuân theo người?”

قَالَ وَمَا عَلِمِي بِمَا كَانُوا يَعْمَلُونَ ﴿١١٢﴾ إِنَّ حِسَابَهُمْ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّي
 لَوُتَشْعُرُونَ ﴿١١٣﴾ وَمَا أَنَا بِطَارِدٍ الْمُؤْمِنِينَ ﴿١١٤﴾ إِنَّ أَنَا إِلَّا نَذِيرٌ مُّبِينٌ
 ﴿١١٥﴾ قَالُوا لَيْن لَّمْ تَنْتَه يَسُوحَ لَتَكُونَنَّ مِنَ الْمَرْجُومِينَ ﴿١١٦﴾ قَالَ
 رَبِّ إِنَّا قَوْمِي كَذَّبُونِ ﴿١١٧﴾ فَافْتَحْ بَيْنِي وَبَيْنَهُمْ فَتْحًا وَنَجِّنِي وَمَنْ
 مَعِيَ مِنَ الْمُؤْمِنِينَ ﴿١١٨﴾ فَأَنْجَيْنَاهُ وَمَنْ مَعَهُ فِي الْفَلَكَ الْمَشْحُونِ
 ﴿١١٩﴾ ثُمَّ أَغْرَقْنَا بَعْدُ الْبَاقِينَ ﴿١٢٠﴾ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ
 أَكْثَرُهُمْ مُّؤْمِنِينَ ﴿١٢١﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿١٢٢﴾ كَذَّبَتْ
 عَادُ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٢٣﴾ إِذْ قَالَ لَهُمُ أَخُوهُمْ هُودٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٢٤﴾ إِنِّي لَكُمْ
 رَسُولٌ أَمِينٌ ﴿١٢٥﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا ﴿١٢٦﴾ وَمَا أَسْأَلُكُمْ عَلَيْهِ
 مِنْ أَجْرٍ إِنْ أَجْرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٢٧﴾ أَتَبْنُونَ بِكُلِّ رِيعٍ
 آيَةً تَعْبَثُونَ ﴿١٢٨﴾ وَتَتَّخِذُونَ مَصَانِعَ لَعَلَّكُمْ تَخْلُدُونَ ﴿١٢٩﴾
 وَإِذَا بَطِشْتُمْ بَطِشْتُمْ جَبَّارِينَ ﴿١٣٠﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا ﴿١٣١﴾
 وَاتَّقُوا الَّذِي أَمَدَّكُمْ بِمَا تَعْمَلُونَ ﴿١٣٢﴾ أَمَدَّكُمْ بِأَنْعَمٍ وَبَنِينَ
 ﴿١٣٣﴾ وَجَنَّاتٍ وَعُيُونٍ ﴿١٣٤﴾ إِنِّي أَخَافُ عَلَيْكُمْ عَذَابَ يَوْمٍ عَظِيمٍ
 ﴿١٣٥﴾ قَالُوا سَوَاءٌ عَلَيْنَا أَوَعَضْتَ أَمْ لَمْ تَكُنْ مِنَ الْوَاعِظِينَ ﴿١٣٦﴾

- 112.- (Nūh) bảo: “Ta đâu biết điều họ đã từng làm.
- 113.- “Chỉ *Rabb* của Ta nắm hồ sơ của họ, nếu các người nhận thấy.
- 114.- “Và Ta không phải là người xua đuổi những người có đức tin.
- 115.- “Mà chỉ là một người Cảnh cáo công khai.”
- 116.- Họ nói: “Nếu không chịu ngưng, hỡi Nūh!, bọn ta sẽ ném đá giết ngươi.”
- 117.- (Nūh), thưa: “*Lạy Rabb!* Người dân của bễ tôi phủ nhận bễ tôi;
- 118.- “Bởi thế, xin Ngài công minh phân xử giữa bễ tôi và họ và xin giải cứu bễ tôi và ai là người tin tưởng tuân theo bễ tôi.”
- 119.- Do đó, *TA* đã giải cứu Người và những người theo Người trên một chiếc tàu chở đầy (người và thú vật);
- 120.- Rồi, *TA* nhận đám người còn lại chết chìm dưới nước (lụt).
- 121.- Trong đó là một Dấu hiệu nhưng đa số bọn chúng không tin.
- 122.- Và *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 123.- (Người dân) '*Ād* đã cho những Sứ Giả của Allah nói dối.
- 124.- Khi người anh em *Hūd* của họ bảo: “Các người không sợ Allah ư?
- 125.- “Ta thực sự là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.
- 126.- “Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta;
- 127.- Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng ta về nó (Thông điệp của Allah). *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.
- 128.- “Phải chăng các người đã xây cất trên mỗi ngọn đồi cao (biệt thự làm) một cảnh giới để khoe khoang?
- 129.- “Phải chăng các người đã xây cất những lâu đài kiên cố để mong ở trong đó vĩnh viễn?
- 130.- “Và khi các người tước đoạt, các người bóc lột như những bạo chúa.
- 131.- “Bởi thế, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.
- 132.- “Và hãy sợ Đấng đã trợ giúp các người với những vật mà các người đã từng biết.
- 133.- “Ngài đã giúp đỡ các người với gia súc và con cái.
- 134.- “Và hoa viên và suối nước.
- 135.- “Ta sợ giùm cho các người về sự trừng phạt của một Ngày vĩ đại.”
- 136.- Họ đáp: “Ông có cảnh cáo hay không là một vị cảnh cáo đi nữa, điều đó bằng thừa đối với chúng tôi.

إِنَّ هَذَا إِلَّا خُلِقَ الْأَوَّلِينَ ﴿١٣٧﴾ وَمَا نَحْنُ بِمُعَذِّبِينَ ﴿١٣٨﴾ فَكَذَّبُوهُ
 فَأَهْلَكْنَاهُمْ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُمْ مُؤْمِنِينَ ﴿١٣٩﴾
 وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿١٤٠﴾ كَذَّبَتْ ثَمُودُ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٤١﴾ إِذْ
 قَالَ لَهُمُ أَخُوهُمْ صَالِحٌ أَالَاتِتَّقُونَ ﴿١٤٢﴾ إِنِّي لَكُمْ رَسُولٌ أَمِينٌ ﴿١٤٣﴾
 فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا ﴿١٤٤﴾ وَمَا أَسْأَلُكُمْ عَلَيْهِ مِنْ أَجْرٍ إِنْ أَجْرِيَ
 إِلَّا عَلَى رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٤٥﴾ أَتُتْرَكُونَ فِي مَا هَاهُنَا آمِنِينَ ﴿١٤٦﴾
 فِي جَنَّاتٍ وَعُيُونٍ ﴿١٤٧﴾ وَزُرُوعٍ وَنَخْلٍ طَلَعَتْ هَاهُنَا حُضِيمٌ ﴿١٤٨﴾
 وَتَنْحِتُونَ مِنَ الْجِبَالِ بُيُوتًا فَرِهِينَ ﴿١٤٩﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا
 ﴿١٥٠﴾ وَلَا تُطِيعُوا أَمْرَ الْمُسْرِفِينَ ﴿١٥١﴾ الَّذِينَ يَفْسِدُونَ فِي الْأَرْضِ
 وَلَا يُصْلِحُونَ ﴿١٥٢﴾ قَالُوا إِنَّمَا أَنْتَ مِنَ الْمُسَحَّرِينَ ﴿١٥٣﴾ مَا أَنْتَ
 إِلَّا بَشَرٌ مِثْلُنَا فَأْتِ بِآيَةٍ إِنْ كُنْتَ مِنَ الصَّادِقِينَ ﴿١٥٤﴾ قَالَ
 هَذِهِ نَاقَةٌ لَهَا شِرْبٌ وَلَكُمْ شِرْبُ يَوْمٍ مَعْلُومٍ ﴿١٥٥﴾ وَلَا تَمْسُوهَا
 بِسُوءٍ فَيَأْخُذَكُمْ عَذَابٌ يُومٍ عَظِيمٍ ﴿١٥٦﴾ فَعَقَرُوهَا فَاصْبَحُوا
 نَادِمِينَ ﴿١٥٧﴾ فَأَخَذَهُمُ الْعَذَابُ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ
 أَكْثَرَهُمْ مُؤْمِنِينَ ﴿١٥٨﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿١٥٩﴾

- 137.- “Công việc này của ông chỉ là một phong cách của người xưa.
- 138.- “Và chúng tôi sẽ không bị trừng phạt đau đớn.”
- 139.- Bởi thế, chúng đã cho Người nói dối. Cho nên, TA đã tiêu diệt chúng. Trong đó là một Dấu hiệu. Nhưng đa số bọn chúng không tin.
- 140.- Và *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 141.- Và (người dân) *Thamūd* đã cho những Sứ giả (của Allah) nói dối;
- 142.- Khi người anh em *Sālih* của họ bảo: “Các người không sợ Allah ư?
- 143.- “Ta là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.
- 144.- “Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.
- 145.- “Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó (Thông Điệp của Allah). *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.
- 146.- “Phải chăng các người sẽ được an toàn hưởng thụ những tiện nghi hiện có nơi đây hay sao?
- 147.- “Nơi những hoa viên và suối nước?
- 148.- “Với những cánh đồng bắp lúa và vườn cây chà-là hoa lá mịn màng?
- 149.- “Và các người đã khéo tay đục núi xây nhà trong đó.
- 150.- “Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.
- 151.- “Và chớ nghe theo mệnh lệnh của những kẻ thái quá,
- 152.- “Những ai đã làm những điều thối nát trong xứ nhưng không sửa mình.”
- 153.- Họ đáp: “Ông chỉ là một người bị mê hoặc.
- 154.- “Ông chỉ là một người phàm như chúng tôi. Thế, hãy mang một Phép lạ đến cho chúng tôi thấy nếu ông là một người nói thật.”
- 155.- (*Sālih*) đáp: “Đây là con lạc-đà cái. Nó uống phần nước của nó và các người phần nước của các người vào một ngày đã được qui định.
- 156.- “Và chớ giết nó sợ rằng các người sẽ bị trừng phạt vào một Ngày vĩ đại.”
- 157.- Nhưng chúng đã cất nhượng nó và sau đó đâm ra hối hận.
- 158.- Do đó, chúng đã bị trừng phạt. Trong đó là một Dấu hiệu. Nhưng đa số bọn chúng không tin tưởng.
- 159.- Và, *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

كَذَّبَتْ قَوْمُ لُوطٍ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٦٠﴾ إِذْ قَالَ لَهُمُ أَخُوهُمْ لُوطٌ أَلَا تَتَّقُونَ
 ﴿١٦١﴾ إِنِّي لَكُمْ رَسُولٌ أَمِينٌ ﴿١٦٢﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا لَكُمْ رُسُلَهُ ﴿١٦٣﴾ وَمَا
 أَسْأَلُكُمْ عَلَيْهِ مِنْ أَجْرٍ إِنْ أَجْرِيَ إِلَّا عَلَى رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٦٤﴾
 أَتَأْتُونَ الذُّكْرَانَ مِنَ الْعَالَمِينَ ﴿١٦٥﴾ وَتَذَرُونَ مَا خَلَقَ لَكُمْ رَبُّكُمْ
 مِنْ أَزْوَاجِكُمْ بَلْ أَنْتُمْ قَوْمٌ عَادُونَ ﴿١٦٦﴾ قَالُوا لَيْن لَمْ تَنْتَهَ يَلُوطُ
 لَتَكُونَنَّ مِنَ الْمُخْرَجِينَ ﴿١٦٧﴾ قَالَ إِنِّي لِعَمَلِكُمْ مِنَ الْقَالِينَ ﴿١٦٨﴾
 رَبِّ نَجِّنِي وَأَهْلِي مِمَّا يَعْمَلُونَ ﴿١٦٩﴾ فَجَعَلْنَاهُ وَأَهْلَهُ أَجْمَعِينَ ﴿١٧٠﴾
 إِلَّا عَجُوزًا فِي الْغَابِرِينَ ﴿١٧١﴾ ثُمَّ دَمَرْنَا الْأَخْرِينَ ﴿١٧٢﴾ وَأَمْطَرْنَا عَلَيْهِمْ
 مَطَرًا فَسَاءً مَطَرُ الْمُنذَرِينَ ﴿١٧٣﴾ إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُمْ
 مُؤْمِنِينَ ﴿١٧٤﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿١٧٥﴾ كَذَّبَ أَصْحَابُ
 لَيْكَةِ الْمُرْسَلِينَ ﴿١٧٦﴾ إِذْ قَالَ لَهُمُ شُعَيْبٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٧٧﴾ إِنِّي لَكُمْ
 رَسُولٌ أَمِينٌ ﴿١٧٨﴾ فَاتَّقُوا اللَّهَ وَأَطِيعُوا لَكُمْ رُسُلَهُ ﴿١٧٩﴾ وَمَا أَسْأَلُكُمْ عَلَيْهِ
 مِنْ أَجْرٍ إِنْ أَجْرِيَ إِلَّا عَلَى رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٨٠﴾ * أَوْفُوا الْكَيْلَ وَلَا
 تَكُونُوا مِنَ الْمُخْسِرِينَ ﴿١٨١﴾ وَزِنُوا بِالْقِسْطَاسِ الْمُسْتَقِيمِ ﴿١٨٢﴾
 وَلَا تَبْخَسُوا النَّاسَ أَشْيَاءَهُمْ وَلَا تَعْثَوْا فِي الْأَرْضِ مُفْسِدِينَ ﴿١٨٣﴾

- 160.- Người dân của *Lūt* cũng đã cho những Sứ giả nói dối.
- 161.- Khi người anh em *Lūt* của họ bảo: “Các người không sợ Allah ư?”
- 162.- “Ta thực sự là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.
- 163.- “Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.
- 164.- “Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó (Thông điệp của Allah). Chỉ *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.
- 165.- “Phải chăng trong vũ trụ, duy chỉ các người là những kẻ đã đến (làm tình) với đàn ông;
- 166.- “Và bỏ rơi những người mà Allah đã tạo ra cho các người để làm vợ? Không, các người là những kẻ đã làm điều thái quá.”
- 167.- Họ đáp: “Nếu không chịu ngưng, hỡi *Lūt*! thì ông sẽ bị trục xuất.”
- 168.- (*Lūt*) bảo: “Ta là một người thù ghét việc làm của các người.
- 169.- “Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài giải cứu bề tôi và gia đình của bề tôi khỏi điều (tội lỗi) mà chúng đã làm.”
- 170.- Bởi thế, *TA* đã giải cứu *Lūt* và gia đình của Người, tất cả;
- 171.- Ngoại trừ một bà lão trong số những người ở lại đằng sau.
- 172.- Rồi, *TA* đã tiêu diệt đám người còn lại;
- 173.- Và *TA* đã xối lên chúng một trận mưa đích đáng. Và tai ác thay trận mưa (đá) xối lên đầu những kẻ đã được cảnh cáo trước!
- 174.- Trong đó là một Dấu hiệu. Nhưng đa số bọn chúng không tin.
- 175.- *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 176.- Dân cư tại Khu rừng gần *Madyan* đã cho những Sứ giả nói dối,
- 177.- Khi *Shu' aib* bảo họ: “Các người không sợ Allah hay sao?”
- 178.- “Ta thực sự là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.
- 179.- “Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.
- 180.- “Và Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó. Thật sự *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.
- 181.- “Hãy đo cho đủ và chớ làm cho người khác mất mát.
- 182.- “Và hãy cân với một bàn cân thẳng đứng;
- 183.- “Và chớ lấy bớt vật dụng của người và chớ hành động thối nát trên mặt đất, gieo rắc tội ác.

وَاتَّقُوا الَّذِي خَلَقَكُمْ وَالْجِبِلَّةَ الْأُولِينَ ﴿١٨٤﴾ قَالُوا إِنَّمَا أَنْتَ مِنَ
 الْمُسَحَّرِينَ ﴿١٨٥﴾ وَمَا أَنْتَ إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُنَا وَإِنْ نَظُنُّكَ لَمِنَ
 الْكَاذِبِينَ ﴿١٨٦﴾ فَاسْقِطْ عَلَيْنَا كِسْفًا مِّنَ السَّمَاءِ إِنْ كُنْتَ
 مِنَ الصَّادِقِينَ ﴿١٨٧﴾ قَالَ رَبِّيَ أَعْلَمُ بِمَا تَعْمَلُونَ ﴿١٨٨﴾ فَكَذَّبُوهُ
 فَأَخَذَهُمُ عَذَابٌ يَوْمَ الظُّلَّةِ إِنَّهُ كَانَ عَذَابَ يَوْمٍ عَظِيمٍ ﴿١٨٩﴾
 إِنَّ فِي ذَلِكَ لَآيَةً وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُم مُّؤْمِنِينَ ﴿١٩٠﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ
 لَهُوَ الْعَزِيزُ الرَّحِيمُ ﴿١٩١﴾ وَإِنَّهُ لَتَنْزِيلُ رَبِّ الْعَالَمِينَ ﴿١٩٢﴾ نَزَلَ بِهِ
 الرُّوحُ الْأَمِينُ ﴿١٩٣﴾ عَلَى قَلْبِكَ لِتَكُونَ مِنَ الْمُنذِرِينَ ﴿١٩٤﴾ بِلِسَانٍ
 عَرَبِيٍّ مُّبِينٍ ﴿١٩٥﴾ وَإِنَّهُ لَفِي زُبُرِ الْأُولِينَ ﴿١٩٦﴾ أَوْ لَمْ يَكُنْ لَهُمْ آيَةٌ
 أَنْ يَعْلَمَهُ وَعُلِّمُوا بَنِي إِسْرَائِيلَ ﴿١٩٧﴾ وَلَوْ نَزَّلْنَاهُ عَلَى بَعْضِ الْأَعْجَمِينَ
 ﴿١٩٨﴾ فَقَرَأَهُ عَلَيْهِمْ مَا كَانُوا بِهِ مُؤْمِنِينَ ﴿١٩٩﴾ كَذَلِكَ سَلَكْنَاهُ
 فِي قُلُوبِ الْمُجْرِمِينَ ﴿٢٠٠﴾ لَا يُؤْمِنُونَ بِهِ حَتَّى يَرُوا الْعَذَابَ
 الْأَلِيمَ ﴿٢٠١﴾ فَيَأْتِيهِمْ بَغْتَةً وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٢٠٢﴾ فَيَقُولُوا
 هَلْ نَحْنُ مُنظَرُونَ ﴿٢٠٣﴾ أَفَبِعَذَابِنَا يَسْتَعْجِلُونَ ﴿٢٠٤﴾ أَفَرَأَيْتَ
 إِنْ مَتَّعْنَاهُمْ سِنِينَ ﴿٢٠٥﴾ ثُمَّ جَاءَهُمْ مَا كَانُوا يُوعَدُونَ ﴿٢٠٦﴾

- 184.- “Và hãy sợ Allah, Đấng đã tạo hóa các người và những thế hệ trước.”
- 185.- Họ đáp: “Ông chỉ là một người bị mê hoặc;
- 186.- “Và ông là một người phàm như chúng tôi và chúng tôi nghĩ ông là một người nói dối.
- 187.- Thế, ông hãy làm cho một phần trời sụp xuống đè chúng tôi đi nếu ông là một người nói thật.”
- 188.- (Người) bảo: “*Rabb* của ta là Đấng biết rõ điều mà các người đã làm.”
- 189.- Nhưng họ đã cho Người nói dối. Bởi thế, họ đã gánh chịu Hình phạt của một Ngày mịt trời; đó là sự trừng phạt của một Ngày vĩ đại.
- 190.- Quả thật, trong đó là một Dấu hiệu; nhưng đa số bọn chúng là những kẻ không tin tưởng.
- 191.- *Rabb* của Người là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.
- 192.- Quả thật, Nó (Qur'ān) do *Rabb* của vũ trụ ban xuống.
- 193.- Thiên Thần Jibrīl đã mang Nó xuống;
- 194.- Đặt vào quả tim của Người (Muhammad) để Người trở thành một Người báo-trước;
- 195.- Bằng tiếng Ả-rập trong sáng;
- 196.- Quả thật, Nó (đã được nhắc đến) trong những Kinh sách cũ.
- 197.- Và hẳn Nó không là một Dấu hiệu cho họ hay sao bởi vì những người có học trong số con cháu của Israel đã công nhận Nó?
- 198.- Và nếu TA có ban Nó xuống cho một người không phải gốc gác Ả-rập,
- 199.- Để y đọc lại cho họ thì họ vẫn không tin tưởng nơi Nó.
- 200.- Bằng cách đó, TA đã làm cho nó (việc phủ nhận Qur'ān) thấm vào lòng của những kẻ tội lỗi;
- 201.- Họ sẽ không tin tưởng nơi Nó (Qur'ān) cho đến khi đối diện với sự trừng phạt đau đớn;
- 202.- Bởi vì nó sẽ đến chụp bắt họ bất ngờ trong lúc họ không nhận thấy.
- 203.- Sau đó, họ sẽ than: “Chúng tôi có được gia hạn hay chăng?”
- 204.- Thế, họ còn hối thúc hình phạt cho mau đến nữa hay chăng?
- 205.- Há Người nhận thấy, nếu TA cho họ hưởng lạc thêm nhiều năm nữa,
- 206.- Rồi sau đó, hình phạt đã được hứa sẽ đến chụp bắt họ,

مَا أَغْنَىٰ عَنْهُمْ مَالُهُمْ مَا كَانُوا يُمْتَعُونَ ﴿٢١٧﴾ وَمَا أَهْلَكْنَا مِنْ قَرِيَةٍ إِلَّا
 لَهَا مُنذِرُونَ ﴿٢١٨﴾ ذِكْرَىٰ وَمَا كُنَّا ظَالِمِينَ ﴿٢١٩﴾ وَمَا تَنَزَّلَتْ بِهِ
 الشَّيَاطِينُ ﴿٢٢٠﴾ وَمَا يَنْبَغِي لَهُمْ وَمَا يَسْتَظِيلُ عُونَ ﴿٢٢١﴾ إِنَّهُمْ عَنِ
 السَّمْعِ لَمَعْزُولُونَ ﴿٢٢٢﴾ فَلَا تَدْعُ مَعَ اللَّهِ إِلَهًا آخَرَ فَتَكُونَ
 مِنَ الْمُعَذَّبِينَ ﴿٢٢٣﴾ وَأَنْذِرْ عَشِيرَتَكَ الْأَقْرَبِينَ ﴿٢٢٤﴾ وَأَخْفِضْ
 جَنَاحَكَ لِمَنِ اتَّبَعَكَ مِنَ الْمُؤْمِنِينَ ﴿٢٢٥﴾ فَإِنْ عَصَوْكَ فَقُلْ إِنَّي
 بِرَبِّيءٍ مِّمَّا تَعْمَلُونَ ﴿٢٢٦﴾ وَتَوَكَّلْ عَلَى الْعَزِيزِ الرَّحِيمِ ﴿٢٢٧﴾ الَّذِي
 يَرِيكَ حِينَ تَقُومُ ﴿٢٢٨﴾ وَتَقَلِّبُكَ فِي السَّجْدِينَ ﴿٢٢٩﴾ إِنَّهُ هُوَ السَّمِيعُ
 الْعَلِيمُ ﴿٢٣٠﴾ هَلْ أَنْبَيْتُكُمْ عَلَىٰ مَنْ تَنْزَلُ الشَّيَاطِينُ ﴿٢٣١﴾ تَنْزَلُ عَلَىٰ
 كُلِّ آفَاكٍ أَثِيمٍ ﴿٢٣٢﴾ يُلْقُونَ السَّمْعَ وَأَكْثُرُهُمْ كَاذِبُونَ ﴿٢٣٣﴾
 وَالشُّعْرَاءُ يَتَّبِعُهُمُ الْغَاوُونَ ﴿٢٣٤﴾ أَلَمْ تَرَ أَنَّهُمْ فِي كُلِّ وَادٍ
 يَهِيمُونَ ﴿٢٣٥﴾ وَأَنَّهُمْ يَقُولُونَ مَا لَا يَفْعَلُونَ ﴿٢٣٦﴾ إِلَّا الَّذِينَ
 ءَامَنُوا وَعَمِلُوا الصَّالِحَاتِ وَذَكَرُوا اللَّهَ كَثِيرًا وَانْتَصَرُوا مِنْ
 بَعْدِ مَا ظَلَمُوا وَسَيَعْلَمُ الَّذِينَ ظَلَمُوا أَيَّ مُنْقَلَبٍ يَنْقَلِبُونَ ﴿٢٣٧﴾

سورة الشعراء

- 207.- Thì việc hưởng thụ đó của họ chẳng giúp ích gì được cho họ cả;
- 208.- Và quả thật, TA chỉ tiêu diệt một thị trấn sau khi đã có những người báo trước được cử phái đến với nó;
- 209.- Để làm công việc nhắc nhở. Bởi vì TA không hề bất công.
- 210.- Và không phải những tên *Shaytān* mang Nó (Qur'ān) xuống;
- 211.- Bởi vì việc làm đó không thích hợp với chúng và chúng cũng không có khả năng (làm được việc đó).
- 212.- Thật sự, chúng bị đuổi ra xa không cho nghe (Qur'ān).
- 213.- Bởi thế, chớ cầu nguyện một thần linh nào khác cùng với Allah bởi vì làm thế, Người sẽ là một trong những kẻ bị trừng phạt.
- 214.- Và hãy cảnh cáo thân tộc gần gũi của Người (Muhammad);
- 215.- Hãy đối xử từ tốn với những người có đức tin theo Người.
- 216.- Nhưng nếu họ bất tuân Người thì hãy bảo (họ): “Tôi vô tội về những điều quý vị làm.”
- 217.- Và hãy phó thác cho Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung,-
- 218.- Ngài thấy Người khi Người đứng (dâng lễ *Tahajjud* ban đêm);
- 219.- Và cả động tác của Người trong số những người sụp lạy.
- 220.- Bởi vì quả thật, Ngài là Đấng Toàn Thánh, Đấng Toàn Tri.
- 221.- Há Ta (Muhammad) sẽ phải báo cho các người biết ai là kẻ mà những tên *Shaytān* thường xuống gặp?
- 222.- Chúng hay xuống nhập với từng tên ác ôn nói dối,
- 223.- Chúng lắng nghe (những tên *Shaytān*) và đa số bọn chúng là những tên nói dối.
- 224.- Và các thi sĩ, chỉ những kẻ lầm lạc mới nghe theo chúng;
- 225.- Há Người không thấy chúng lang thang vơ vẩn nơi mỗi thung lũng;
- 226.- Và nói ra điều mà chúng không làm hay sao?
- 227.- Ngoại trừ những ai có đức tin và làm việc thiện và tưởng nhớ Allah nhiều và trả đòn (bằng thi vắn) sau khi đã bị đối xử bất công. Và những kẻ làm điều sai quấy sẽ sớm biết đâu là cuộc đời mà họ sẽ phải gánh chịu sau này.